

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG MẠNH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI HỒNG MẠNH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HONG MANH TRADING AND CONSTRUCTION INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HONG MANH TCI CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107705595

**3. Ngày thành lập:** 14/01/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà 19, dãy nhà N3, tổ dân phố số 1, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0983851582

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                     | 4322        |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất chất phụ gia cho xi măng;                                                                                                              | 2029        |
| 3.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô;                                                                                                                                                                  | 7710        |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                           | 4210        |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn va li, túi, ví, cặp, hàng da và giả da;                                                                                                                    | 4649        |
| 6.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                   | 4312        |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất;                                                                                                                                                     | 7410        |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dung cho vui chơi giải trí; | 4329        |
| 10. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                      | 1410        |
| 11. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa; Kinh doanh lữ hành quốc tế;                                                                                                                          | 7912        |
| 12. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                               | 4100(Chính) |
| 13. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                     | 0810        |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                         | 5210        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng nền móng của tòa nhà, đóng cọc, thử độ ẩm và các công việc thử nước; chống ẩm các tòa nhà, chôn chân trụ, dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất, uốn thép, xây gạch và đặt đá; lợp mái bao phủ tòa nhà; dỡ bỏ ống khói và các nồi hơi công nghiệp; các công việc dưới bề mặt; xây dựng bể bơi ngoài trời; thuê cần trục có người điều khiển; | 4390 |
| 16. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi; kính xây dựng, sơn, véc ni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; bán buôn dụng cụ cầm tay như búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác;                                                  | 4663 |
| 17. | Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1322 |
| 18. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2395 |
| 19. | Sản xuất máy chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2829 |
| 20. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4659 |
| 21. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4641 |
| 22. | Sản xuất thảm, chăn đệm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1323 |
| 23. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, đường thủy, bến cảng, các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa, cống..., đập và đê. Xây dựng đường hầm. Các công trình thể thao ngoài trời;                                                                                                                                                            | 4290 |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4311 |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4330 |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; xi măng, gạch xây, ngói, cát, đá, sỏi; kính xây dựng, sơn, véc ni; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán lẻ đồ ngũ kim; ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép; bán lẻ dụng cụ cầm tay như búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác;           | 4752 |
| 27. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7730 |
| 28. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4933 |
| 29. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4220 |
| 30. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771 |

